

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2026/HC - PT

Ngày: 23- 3- 2026

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: ông Trần Đức Kiên

 ông Đặng Kim Nhân

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Thúy Kiều, Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** ông Lê Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 202/2025/TLPT-HC ngày 07 tháng 11 năm 2025 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 143/2025/HC-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 495A/2026/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1961. Địa chỉ: Số B A, phường B - Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1992; địa chỉ: Số A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Trịnh Thị L1, sinh năm 1997; địa chỉ: Số A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Thanh L2; địa chỉ liên hệ: Số A L, phường B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân thành phố B. Địa chỉ: Số A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B; địa chỉ: Số A P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Ngọc L3 – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số A L, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Trương Văn C - Giám đốc Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất Khu vực Buôn Ma T1.

3. Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Trần Thị Kim L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo bản án sơ thẩm, nội dung tóm tắt theo trình bày của đương sự:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng người khởi kiện ông Châu Văn M, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Đức D, bà Nguyễn Thị Thanh L2 trình bày:*

Năm 1998, bà Trần Thị Kim L nhận chuyển nhượng từ bà Hoàng Thị X lô đất có diện tích khoảng hơn 1.000m² tọa lạc tại đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi mua đất, đến năm 1999 bà L tiến hành xây dựng căn nhà cấp IV diện tích khoảng 40m² để làm nơi sinh sống cho cả gia đình, từ năm 1999 đến nay gia đình bà L sinh sống liên tục, ổn định trên căn nhà duy nhất này, không bị chính quyền địa phương xử phạt vi phạm hành chính.

Năm 2003, bà Trần Thị Kim L chuyển nhượng một phần diện tích đất khoảng 117,8m² (4m x 29,7m) cho ông Trần Bảo C1, có vị trí tứ cận như sau: Phía bắc: Giáp thửa đất số 09; Phía nam: Giáp căn nhà gia đình bà L đang sinh sống; Phía đông: Giáp thửa đất số 11; Phía tây: Giáp đường.

Năm 2005, bà L được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số AB 538752 thuộc thửa đất số: 12, tờ bản đồ số: 57, diện tích: 1.081m², bao gồm cả phần diện tích 117,8m² đã chuyển nhượng cho ông Trần Bảo C1 nhưng chưa làm thủ tục tách thửa.

Năm 2015, bà L nộp hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất đối với căn nhà cấp IV đang sinh sống với diện tích đất xin chuyển mục đích là 90m². Tại Biên bản xác minh thực địa ngày 10/12/2015 của UBND phường T đã xác nhận hiện trạng sử dụng của bà L với nội dung: "Nhà ở cấp IV diện tích 90m² xây dựng từ năm 1999 phần còn lại đất trồng cây ăn trái". Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà L chưa thể hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Nhà nước (nộp tiền sử dụng đất), cho nên chưa thực hiện xong thủ tục hành chính về xin chuyển mục đích sử dụng đất đối với 90m² đất ở.

Năm 2023, bà L nhận được Thông báo số 811/TB-UBND ngày 05/7/2023 của UBND thành phố B về việc: Thu hồi diện tích đất dự kiến 371,7m² của bà L để thực hiện dự án hồ T, phường T, thành phố B (giai đoạn 2).

Ngày 25/10/2023, bà L nhận được Giấy mời của UBND phường T với nội dung: "UBND phường T nhận được Công văn số 840/CV-TTPTQĐ và 817/CV-TTPTQĐ về việc kiểm tra lại thông tin có bị xử phạt hành chính tại Quyết định số 50/QĐ-XPHC ngày 04/4/2006 đối với ông Châu Văn M và Quyết định số 213/QĐ-XPHC ngày 23/6/2006 của UBND phường T đối với bà Trần Thị Kim L". Tại buổi làm việc này, bà L được cán bộ UBND phường T đưa cho 01 bản photô Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 213/QĐ-XPHC đề ngày 23/6/2006 thể hiện: Xử phạt bà Trần Thị Kim L số tiền 400.000 đồng do xây dựng công trình không phép, xây dựng công trình chưa chuyển đổi mục đích và 01 bản photô biên lai thu tiền phạt số: 0017164 không rõ ngày tháng, không có chữ ký của người nộp phạt. Trên cơ sở đó, Cơ quan có thẩm quyền cho rằng bà L không đủ điều kiện để được bồi thường về tài sản, nhà cửa, công trình trên đất và không được hỗ trợ tái định cư do bị xử phạt vi phạm hành chính vào năm 2006.

Ngày 26/01/2024, bà L nhận được Thông báo số 25/TB-TTPTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất theo Quyết định số 7801/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của UBND thành phố B về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ. Bà L được bồi thường về đất, không được bồi thường về tài sản, nhà cửa, công trình trên đất, không được hỗ trợ tái định cư.

Không đồng ý với Quyết định số 7801 nên bà Trần Thị Kim L làm đơn gửi đến Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B.

Ngày 14/6/2024, bà L nhận được Công văn số 3029/UBND-TTPTQĐ của UBND thành phố B về việc trả lời đơn của công dân với nội dung: "*Không bồi thường, hỗ trợ về tài sản xây dựng trên đất và không hỗ trợ tái định cư cho bà L do đã bị xử lý ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật theo Quyết định số 213/QĐ-XPHC ngày 23/6/2006 của UBND phường T nên không đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ theo điểm c, khoản 4 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ*".

Việc UBND thành phố B căn cứ vào Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 213/QĐ-XPHC ngày 23/6/2006 của UBND phường T để cho rằng bà L đã bị UBND phường T xử phạt vi phạm hành chính là không có căn cứ. Bởi lẽ:

Thứ nhất: Từ thời điểm bà L xây dựng căn nhà cấp IV vào năm 1999 cho đến nay, bà L không bị UBND phường T hay Cơ quan có thẩm quyền khác tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính hay ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Đến tháng 10/2023 khi UBND phường T mời làm việc và đưa cho bà L 01 bản photô Quyết định xử phạt hành chính số 213 ngày 23/6/2006 và 01 bản photô biên lai thu tiền phạt thì bà L mới bất ngờ về việc này. Từ trước đến nay bà L không bị lập biên bản vi phạm hành chính, không nhận được Quyết

định xử phạt vi phạm hành chính, không có việc bà Trần Thị Kim L nộp phạt số tiền 400.000 đồng (Không có chữ ký, chữ viết của bà L trong biên lai thu tiền phạt bản photô).

Thứ hai: Căn nhà cấp IV trên đất được bà L xây dựng và hoàn thành vào năm 1999, sinh sống ổn định liên tục cho đến nay. Tại bản photô Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 213/QĐ -XPHC ngày 23/6/2006 của Chủ tịch UBND phường T thể hiện nội dung “Căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính do ông Nguyễn Đình L4 cán bộ địa chính lập ngày 20/6/2006”.

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng, đất đai tối đa là 02 năm, kể từ ngày hành vi vi phạm hành chính được thực hiện. Cho nên, giả sử có việc ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xây dựng nhà không phép, xây dựng nhà trên đất chưa chuyển mục đích thì cũng đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

Vì vậy, bà Trần Thị Kim L khởi kiện đề nghị: Hủy Quyết định số 7801/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của UBND thành phố B về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Hồ T, phường T, thành phố B (Địa bàn phường T, giai đoạn 2 - đợt 2 và đợt 3) đối với bà Trần Thị Kim L; Buộc UBND thành phố B xây dựng lại phương án bồi thường, hỗ trợ về công trình xây dựng trên đất và bố trí tái định cư cho người bị thu hồi đất theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 31/12/2024 người khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện Hủy Quyết định số 213/QĐ.XPHC ngày 23/6/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T về việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà.

*** Đại diện Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày:**

1. Về nguồn gốc sử dụng đất: Đất bà Trần Thị Kim L nhận chuyển nhượng từ hộ bà Hoàng Thị X (đã được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 326952.QSDĐ/AH ngày 25/12/2001 tại thửa đất số 12, TĐĐ 57 với diện tích 1.081m² đất trồng cây cà phê). Đến năm 2003, bà Trần Thị Kim L chuyển nhượng một phần diện tích trên cho ông Trần Bảo C1 (bằng giấy mua bán viết tay). Đến ngày 12/4/2005, đất bà Trần Thị Kim L được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 538752 tại thửa đất số 12, TĐĐ 57 với diện tích 1.081m² đất trồng cây lâu năm (Bao gồm phần diện tích đã chuyển nhượng cho ông Trần Bảo C1).

Ngày 31/12/2023, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7801/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Hồ thủy lợi E, thành phố B (Địa bàn phường T - Giai đoạn 2 - Đợt 2 và đợt 3).

2. Đối với yêu cầu bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất: thửa đất của bà Trần Thị Kim L xây dựng nhà trên phần diện tích đất nông nghiệp năm 2006, thời

điểm tạo lập bị xử lý ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan có thẩm quyền theo Quyết định số 213/QĐ.XPHC ngày 23/6/2006 của UBND phường T: Căn cứ điểm c, Khoản 4, Điều 20 của Quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ) "*Nhà, công trình xây dựng trên đất mà tại thời điểm tạo lập bị xử lý, ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận thì không được xem xét hỗ trợ*". Do đó, bà Trần Thị Kim L không được bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc trên đất.

3. Về tái định cư: Bà Trần Thị Kim L xây dựng nhà trên phần diện tích đất nông nghiệp năm 2006, thời điểm tạo lập bị xử lý ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan có thẩm quyền. Căn cứ khoản 9, Điều 1 Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 và điểm c, khoản 4 Điều 20 Quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ, việc xây dựng nhà ở có biện pháp ngăn chặn nên không được hỗ trợ. Mặt khác, sau khi bị thu hồi một phần đất, diện tích nhà bị ảnh hưởng là 32,91m², bà L không phải di chuyển chỗ ở. Do đó, không có cơ sở xem xét hỗ trợ tái định cư cho bà Trần Thị Kim L.

Việc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số: 7801/QĐ-UBND, ngày 31/12/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Hồ thủy lợi EaTam, thành phố B (Địa bàn phường T- Giai đoạn 2- Đợt 2 và Đợt 3) là đúng quy định pháp luật.

Từ những nội dung trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Kim L.

*** Chủ tịch UBND phường T trình bày:** Trong tháng 6/2006 bà L vi phạm hành chính về trật tự xây dựng nên cán bộ đô thị đã lập biên bản vi phạm hành chính ngày 20/6/2006 và UBND phường T đã ra Quyết định xử phạt hành chính số 213/QĐ.XPHC ngày 23/6/2006. Quá trình lưu giữ hồ sơ và luân chuyển cán bộ, hiện nay UBND phường không còn lưu giữ biên bản vi phạm hành chính lập ngày 23/6/2006.

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 143/2025/HC-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, quyết định:

- Căn cứ Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm g khoản 1 Điều 143; điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính;

- Căn cứ Điều 92 Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

- Căn cứ khoản 2, khoản 6 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim L.

1.1 Tuyên Huỷ một phần Quyết định số 7801/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hồ T, thành phố B (địa bàn phường T - Giai đoạn 2 - Đợt 2 và đợt 3) đối với bà Trần Thị Kim L, phần nội dung không hỗ trợ tài sản trên đất thu hồi cho bà Trần Thị Kim L.

1.2 Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B phải ban hành quyết định phê duyệt phương án, bồi thường hỗ trợ đối với bà Trần Thị Kim L, cụ thể: hỗ trợ đối với tài sản trên đất thu hồi theo quy định của pháp luật.

2 Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim L về việc: Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B ban hành quyết định giao đất tái định cư cho bà Trần Thị Kim L

3 Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu Huỷ Quyết định số 213/QĐ.XPHC ngày 23/6/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T về việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 03-9-2025, người khởi kiện bà Trần Thị Kim L có Đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, phần nội dung mà Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện, nêu lý do kháng cáo là trong Biên bản thẩm định ngày 22-7-2025 thì có thể hiện ngôi nhà, phần phía nhà sau liên kết với nhà trước, cho nên khi phá dỡ một phần ngôi nhà 33m² thì sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết cấu ngôi nhà, phần còn lại không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật đảm bảo để ở. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng phần còn lại 65m² đất đủ để ở là không đúng, trường hợp này gia đình phải di chuyển chỗ ở nên phải được giao một lô đất để ở có thu tiền sử dụng đất, phải được tái định cư.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện của người kháng cáo giữ nguyên nội dung Đơn kháng cáo, cung cấp các bản ảnh thể hiện phần ngôi nhà. Đề nghị được giao một lô đất tái định cư.

- Ý kiến của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và các bên đương sự đều được đảm bảo, phù hợp với các quy định của pháp luật. Đây là phiên tòa lần thứ hai, người kháng cáo có mặt nên đề nghị Tòa án tiến hành xét xử. Xem xét kháng cáo thì thấy kháng cáo không có cơ sở chấp nhận, đề nghị bác kháng cáo và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về phạm vi kháng cáo:

Người kháng cáo chỉ kháng cáo một phần bản án hành chính sơ thẩm; phần bản án bác yêu cầu khởi kiện về việc giao đất tái định cư cho bà Trần Thị Kim L.

[2]. Xem xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 57 diện tích 1.081 m² địa chỉ phường T, thành phố B đã được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 538752 ngày 12/4/2005 cho hộ bà Trần Thị Kim L, loại đất trồng cây lâu năm. Năm 2003 bà L chuyển nhượng cho ông Trần Bảo C1 117,8 m², hai bên viết giấy sang nhượng đất nhưng không thực hiện thủ tục sang nhượng theo quy định.

Năm 2023, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định thu hồi của bà L diện tích 482,2m² đất trồng cây lâu năm để thực hiện dự án Hồ T, phường T, thành phố B. Diện tích đo đạc hiện trạng là 1.049,8m², diện tích đất thu hồi là 482,8m², diện tích đất còn lại là 567m² (bao gồm cả diện tích đã chuyển nhượng cho ông Trần Bảo C1 là 117,8m²).

[3] Đối với yêu cầu hỗ trợ tái định cư:

Theo Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất ban hành kèm theo Quyết định số 7801 thì tài sản trên đất thu hồi của bà L gồm: nhà số A diện tích 32.75m²; Nhà số 2 diện tích 0.16m²; Hệ thống điện; Hệ thống nước; Tường rào; Trụ cổng, cổng; Sân, C2 gà.

Theo lời trình bày của bà L thì từ năm 1999, bà L đã xây nhà và ở trên thửa đất số 12, tờ bản đồ số 57 tại phường T, đây là nơi ở duy nhất của bà nên khi Nhà nước thu hồi nhà đất, bà L phải được hỗ trợ tái định cư.

Tại Điều 5 Quyết định số 14//QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ quy định:
“Điều 5. Hỗ trợ tái định cư

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở (kể cả trường hợp xây dựng gắn liền đất nông nghiệp, đất nhận khoán, đất nhận liên kết, đất lấn, chiếm của các công ty nông, lâm nghiệp, đất nhận chuyển nhượng không đúng quy định...) nếu tại thời điểm thông báo thu hồi đất không có nhà ở, đất ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được xem xét giao 01 (một) thửa đất ở làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất. Thửa đất giao tại nơi tái định cư là thửa đất có diện tích nhỏ nhất trong khu tái định cư”.

Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thể hiện: Trên thửa đất số 12, tờ bản đồ số 57 tại phường T (Nay là

phường B), nhà bà L xây dựng có tổng diện tích 97,8m² (gồm nhà phía trước có diện tích: 5m x 7,36m = 36,8m²; Nhà phía sau diện tích: 5m x 12,2m = 61m²), nhà phía sau liên kết với nhà phía trước. Các công trình chưa bị tháo dỡ để thực hiện dự án.

Biên bản kiểm kê tài sản của Trung tâm phát triển quỹ đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 7801 thì diện tích nhà bị ảnh hưởng khi thu hồi đất gồm: nhà số 1 diện tích 32,75m² có kết cấu: Móng xây đá hộc, có sơn nước + Matit, nền C3, cửa Pano sắt, kính...; Nhà số 2 diện tích 0,16m² có kết cấu: Móng xây đá hộc, cột chịu lực, sơn nước + Matit, nền C3, cửa Pano sắt, kính. Tổng diện tích thu hồi là 32,91m².

Như vậy, diện tích nhà ở còn lại của bà L là 64,89m², đủ điều kiện để ở, không thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về nội dung này là có cơ sở. Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Những nội dung còn lại không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

Án phí hành chính phúc thẩm bà Trần Thị Kim L được miễn do là người cao tuổi và có đơn xin miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Trần Thị Kim L; giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số 143/2025/HC-ST ngày 27-8-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí phúc thẩm: căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Trần Thị Kim L được miễn án phí phúc thẩm.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị thì không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ IV-TAND tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Long